

Số: 10 /2026/QĐ-CTUBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15, Luật số 113/2025/QH15, Luật số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, Nghị định số 10/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Như Điều 2;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Anh Tuấn



**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-CTUBND ngày 06 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, phường *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã)*; cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường *(sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn cấp xã)*; hòa giải viên lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quản lý hòa giải viên lao động

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý hòa giải viên lao động thuộc phạm vi địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền cử hòa giải viên lao động

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc cử hòa giải viên lao động tham gia giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn quản lý.

Điều 4. Đảm bảo chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo đảm địa điểm, phương tiện làm việc, tài liệu, văn phòng phẩm và các điều kiện cần thiết khác để hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí bảo đảm hoạt động của hòa giải viên lao động do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động của hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý, trình cấp có thẩm quyền tổng hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động được thực hiện theo các tiêu chí và mức độ hoàn thành sau:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo quy định của pháp luật: Hoàn thành 100% số vụ việc được cử tham gia hòa giải (*trừ trường hợp từ chối có lý do chính đáng theo quy định tại Quy chế hoặc trường hợp trong năm không phát sinh vụ việc*).

2. Chấp hành quyết định cử tham gia giải quyết vụ việc của cơ quan có thẩm quyền: Chấp hành đầy đủ các quyết định cử/phân công tham gia giải quyết vụ việc (*trừ trường hợp từ chối có lý do chính đáng theo quy định*).

3. Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật: Thực hiện đúng quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật lao động; không để xảy ra vi phạm thời hạn giải quyết do lỗi chủ quan.

4. Chấp hành quy định của pháp luật, Quy chế này và tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật và Quy chế này; không có hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có hành vi sách nhiễu, vụ lợi hoặc vi phạm pháp luật.

5. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: Tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo triệu tập/yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (*trừ trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng được cơ quan triệu tập chấp thuận*).

Điều 6. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ hằng năm khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đạt được các tiêu chí và mức độ hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 5 Quy chế này. Trường hợp trong năm không phát sinh vụ việc hoặc không được cử tham gia giải quyết vụ việc thì việc đánh giá thực hiện căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 2,3,4 và 5 Điều 5 Quy chế.

- Không thuộc một trong các trường hợp bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 7. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật do lỗi chủ quan của hòa giải viên được cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc xác định theo quy định của pháp luật.

2. Từ chối thực hiện nhiệm vụ hòa giải khi được cơ quan có thẩm quyền cử giải quyết vụ việc từ 02 lần trở lên trong năm đánh giá mà không có lý do chính đáng. Lý do chính đáng bao gồm các trường hợp sau:

- Bản thân hòa giải viên lao động bị ốm đau, tai nạn có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.

- Xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác theo quy định của pháp luật.

- Đang thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật.

3. Vi phạm nguyên tắc khách quan, công bằng, kịp thời khi tiến hành hòa giải; có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho các bên tranh chấp được cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc xác định theo quy định của pháp luật.

4. Lợi dụng danh nghĩa hòa giải viên lao động để trục lợi hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hòa giải, làm lộ bí mật thông tin, bí mật kinh doanh thu thập được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

5. Không tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ từ 02 lần trở lên trong năm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng.

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, hòa giải viên lao động có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm theo các tiêu chí quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quy chế này; nộp Bản tự đánh giá gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý hòa giải viên.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nhận xét, đánh giá và quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (*Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ*) đối với từng hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý; ban hành Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động trên địa bàn kèm theo Bảng tổng hợp kết quả gửi về Sở Nội vụ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Sở Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá hòa giải viên lao động trên phạm vi toàn tỉnh; quản lý, lưu trữ hồ sơ đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá hằng năm làm căn cứ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xem xét bổ nhiệm lại đối với hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ khi hết thời hạn bổ nhiệm.

- Xem xét miễn nhiệm đối với hòa giải viên lao động có 02 năm liên tiếp bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 94 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

- Thực hiện các nội dung quản lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý, hoạt động của hòa giải viên lao động.

2. Nội dung báo cáo gồm:

- a) Tình hình quản lý, hoạt động của hòa giải viên lao động.
- b) Số vụ việc tiếp nhận, giải quyết; kết quả hòa giải thành, hòa giải không thành.
- c) Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

- a) Chủ trì, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quy chế này.

- b) Tổng hợp tình hình thực hiện; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm thiết thực, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- a) Bảo đảm điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động, lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

- b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo Điều 9 Quy chế này.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi hòa giải viên lao động đang công tác có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian, bố trí công việc phù hợp và các điều kiện cần thiết cho hòa giải viên lao động thực hiện các nhiệm vụ hòa giải theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc hòa giải viên lao động để phục vụ việc giải quyết tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.